CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

VIMCERTS 258

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01705/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải Số mẫu: 02 Ký hiệu mẫu: 241106/KT/012-013
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
4	Người lấy mẫu	Lương Đình Đức, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Tuấn Cương
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN
6	Ngày lấy mẫu: 05/11/2024	Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN19:2009 /BTNMT (Cột B)
				KT3	KT4	C_{max}
1	Hơi H_2SO_4	*mg/Nm³*	*US EPA Method 8*	3,2	3,0	***40***
2	Amoniac và các hợp chất amoni*	*mg/Nm³*	*JIS K 0099: 2004*	0,532	0,533	***40***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT3: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải số 01.
Tọa độ: Y 576531.93; X 2340589.39

KT4: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải số 02

Tọa độ: Y 576362.97; X 2340563.36.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở, $K_p = 0,8$
- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv =1

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT – SĐKKD VÀ ĐKT 2300532520 CTCP – TP BẮC NINH-T.BẮC NINH

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01706/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 241106/KT/018-019
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Lương Đình Đức, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Tuấn Cương		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 06/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 56:2013/BTNMT
				KT5	KT6	
1	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	10,3	22,8	***150***
2	SO_2	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB07*	31,4	83,8	***500***
3	NO_x (tính theo NO_2)	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB08*	5,26	99,3	***600***
4	CO	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB 09*	1,52	158,1	***1.000***
5	H_2S*	*mg/Nm³*	*Jis K 0108: 2010*	2,37	2,87	***7,5***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT5: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải số 01.
Toạ độ: Y 576251.01; X 2340563.18

KT6: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải số 02;
Tọa độ: Y 576520.76; X 2340556.35

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 56:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

SĐKKD VÀ ĐKT 2300532220 CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
TP.BẮC NINH-T.BẮC NINH

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01707/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 241106/KT/020
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 06/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT15	Cmax
1	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	33,9	***160***
2	SO_2	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB07*	30,6	***400***
3	NO_x (tính theo NO_2)	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB08*	38,9	***680***
4	CO	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB 09*	340,1	***800***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT15: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống lò hơi.

Toạ độ: Y 576557.88; X 2340592.28

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv =1

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT – SĐKKD VÀ ĐKT 2300520... – TP. BẮC NINH – T. BẮC NINH

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01708/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải Số mẫu: 02 Ký hiệu mẫu: 241107/KT/023-024
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN
6	Ngày lấy mẫu: 07/11/2024	Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT11	KT14	Cmax
1	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	27,1	15,3	***160***
2	Hg*	*mg/Nm³*	*US EPA Method 29*	-	KPH (MDL = 0,5)	-
3	H_2SO_4	*mg/Nm³*	*US EPA Method 8*	3,7	-	***40***
4	HCl*	*mg/Nm³*	*US EPA Method 26A*	0,40	-	***40***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT11: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi đồng sunfat.
Toạ độ: Y 576531.95; X 2340585.08

KT14: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý bóng đèn thải.

Tọa độ: Y 576497.21; X 2340560.42

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$

- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv =1

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

(-)Không quy định/ Chỉ tiêu không phân tích.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01709/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 241107/KT/021-022
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 07/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 30:2012/ BTNMT (Cột B)
				KT1	KT2	
1	Nhiệt độ	^oC	*MXV/PPNB 05*	111,3	109,7	***≤180***
2	Lưu lượng	m^3/h	*MXV/PPNB 04*	9342	73 135	-
3	Áp suất	*mBar*	*MXV/PPNB 12*	1011,4	1012,1	-
4	Bụi tổng	mg/Nm^3	*US EPA Method 5*	45,1	68,4	***100***
5	CO	mg/Nm^3	*MXV/PPNB09*	126,2	158,8	***250***
6	SO_2	mg/Nm^3	*MXV/PPNB07*	55,0	158,9	***250***
7	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	*MXV/PPNB08*	218,0	149,0	***500***
8	O_2 dư	%	*MXV/PPNB06*	9,30	10,96	***6-15***
9	HCl*	mg/Nm^3	*US EPA method 26A*	0,37	0,48	***50***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT1: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 01.

Tọa độ: Y 576464.60; X 2340596.17.

KT2: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 02.

Toạ độ: Y 576438.17; X 2340585.19.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp.

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

Cột B: Áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

(-) Không quy định.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01710/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải Số mẫu: 04 Ký hiệu mẫu: 241108/KT/027-028-025-026
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN
6	Ngày lấy mẫu: 08/11/2024	Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT9	KT10 (Nguồn số 10A)	KT12	KT13	Cmax
1	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	17,4	22,7	12	23,1	***160***
2	SO_2	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB07*	-	6,99	17,5	41,0	***400***
3	NO_x (tính theo NO_2)	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB08*	-	95,4	79,9	163,4	***680***
4	CO	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB09*	-	24,3	170,2	-	***800***
5	Chì và hợp chất (tính theo Pb)*	*mg/Nm³*	*US EPA Method 29*	KPH (MDL = 0,020)	-	-	-	***4***
6	Hơi H_2SO_4	*mg/Nm³*	*US EPA Method 8*	3,5	-	-	-	***40***
7	HCl*	*mg/Nm³*	*US EPA Method 26A*	-	0,48	-	-	***40***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT9: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống sơ chế pin, ắc quy thải (của hệ thống thu hồi kim loại chì); Tọa độ: Y 576302.62; X 2340472.00

KT10 (nguồn số 10A): Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại chì.
Tọa độ: Y 576282.62; X 2340533.43

KT12: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại bằng phương pháp nhiệt luyện.

Tọa độ: Y 576432.57; X 2340538.78.

KT13: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại nhôm.

Toạ độ: Y 576289.80; X 2340516.09

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv =1.

(-) Chỉ tiêu không phân tích; KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01711/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 241111/KT/029-030
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 09/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN19:2009/ BTNMT (cột B)
				KT7-A	KT7-B	Cmax
1	CO	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB09*	7,98	10,3	***800***
2	SO_2	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB07*	4,37	6,99	***400***
3	NO_x (tính theo NO_2)	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB08*	0,752	1,25	***680***
4	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	13,6	11,1	***160***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT7-A: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại quý Module số 01.

Tọa độ: Y 576273.60; X 2340486.00.

KT7-B: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại quý Module số 02.

Tọa độ: Y 576259.54; X 2340492.92.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv =1

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01712/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 241111/KT/031
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 09/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 51:2017 /BTNMT, bảng 3 - cột A3
				KT10 (nguồn số 10B)	Cmax
1	CO	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB09*	22,4	***270***
2	SO_2	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB07*	13,1	***450***
3	NO_x (tính theo NO_2)	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB08*	102,2	***450***
4	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	9,3	***45***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT10 (nguồn số 10B): Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống lò nấu sắt.

Tọa độ: Y 576282.62; X 2340533.43.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép.

Bảng 3: Giá trị C làm cơ sở để tính toán nồng độ tối đa cho phép của các thông số trong khí thải của cơ sở luyện cán thép, công đoạn hoàn nguyên sắt (direct reduction), lò chuyển thổi oxy (BOF).

Trong quá trình hoạt động bình thường, giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất thép được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số trong khí thải công nghiệp sản xuất thép, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm3);

- C là giá trị nồng độ của các thông số (mg/Nm3);

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với lưu lượng khí thải từng ống khói của cơ sở sản xuất thép; tại cơ sở Kp=0,9.

- Kv là hệ số vùng, khu vực, tại cơ sở Kv = 1,0.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01713/2024/MXV- QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 241111/KT/032
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 09/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
				KT8	Cmax
1	SO_2	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB07*	49,8	***400***
2	NO_x (tính theo NO_2)	*mg/Nm³*	*MXV/PPNB08*	75,4	***680***
3	Bụi tổng	*mg/Nm³*	*US EPA Method 5*	23,4	***160***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT8: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại thiếc.

Tọa độ: Y 576272.57; X 2340527.29

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Cmax = C \times Kp \times Kv$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv =1

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01714/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Nước thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 241106/NT/014
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Nguyễn Tuấn Cương		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN.		
6	Ngày lấy mẫu: 05/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A)
				NT	C_{max}
1	Nhiệt độ	*°C*	*SMEWW 2550B:2017*	24,12	***40***
2	Lưu lượng	*m^3/h*	*MXV/PPNB 02*	40,24	-
3	pH	-	*TCVN 6492:2011*	7,19	***6-9***
4	Độ màu	*Pt/Co*	*TCVN 6185:2015*	<5	***50***
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	*mg/l*	*TCVN 6625:2000*	22	***45***
6	COD	*mg/l*	*SMEWW 5220C:2017*	16	***67,5***
7	BOD_5	*mg/l*	*TCVN 6001-1:2008*	9,7	***27***
8	Amoni (tính theo N)	*mg/l*	*TCVN 6179-1:1996*	0,61	***4,5***
9	Clo dư	*mg/l*	*TCVN 6225-3:2011*	<0,2	***0,9***
10	Clorua	*mg/l*	*TCVN 6194:1996*	38,5	***450***
11	Tổng phenol	*mg/l*	*TCVN 6216:1996*	<0,03	***0,09***
12	Sunfua	*mg/l*	*SMEWW 4500B&D:2017*	<0,05	***0,18***
13	Florua	*mg/l*	*SMEWW 4500F-B&D:2017*	0,11	***4,5***
14	Crom (VI)	*mg/l*	*SMEWW 3500-Cr B:2017*	<0,01	***0,045***
15	Sắt	*mg/l*	*TCVN 6177:1996*	<0,02	***0,9***
16	Tổng xianua	*mg/l*	*SMEWW 4500-CN C&E:2017*	<0,02	***0,063***
17	Tổng phốt pho	*mg/l*	*TCVN 6202:2008*	0,07	***3,6***
18	Tổng nitơ	*mg/l*	*TCVN 6638:2000*	7,3	***18***
19	Tổng dầu mỡ khoáng	*mg/l*	*SMEWW 5520B&F:2017*	1,1	***4,5***
20	Coliform	*MPN/ 100ml*	*SMEWW 9221:2017*	240	***3.000***
21	Asen (As)*	*mg/l*	*SMEWW 3114B:2017*	KPH (MDL = 0,002)	***0,045***
22	Cadimi (Cd)*	*mg/l*	*TCVN 6193(A):1996*	KPH (MDL = 0,01)	***0,045***
23	Chì (Pb)*	*mg/l*	*TCVN 6193:1996*	KPH (MDL = 0,03)	***0,09***

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A)
				NT	C_{max}
24	Đồng (Cu)*	*mg/l*	*TCVN 6193:1996*	0,056	***1,8***
25	Kẽm (Zn)*	*mg/l*	*TCVN 6193:1996*	0,233	***2,7***
26	Niken (Ni)*	*mg/l*	*TCVN 6193:1996*	0,073	***0,18***
27	Thuỷ ngân (Hg)*	*mg/l*	*SMEWW 3112B:2017*	KPH (MDL = 0,0007)	***0,0045***
28	Mangan (Mn)*	*mg/l*	*US EPA Method 200.7*	0,015	***0,45***
29	Crom (III)*	*mg/l*	*US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2017*	KPH (MDL = 0,010)	***0,18***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

NT: Mẫu nước thải tại điểm xả nước thải ra kênh tiêu trạm bơm An Trạch; Tọa độ: Y 576576.12 ; X 2340623.37

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt ($K_f = 1,0$; $K_q = 0,9$).

Nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{Cmax = C \times Kq \times Kf = C \times 0,9 \times 1,0}$$

Trong đó:

+ Cmax là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi thải ra nguồn tiếp nhận, tính bằng miligam trên lít nước thải chuẩn (mg/L);

+ C là nồng độ của các thông số ô nhiễm;

+ Kq Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải (Kq = 0,9)

+ Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải (Kf = 1,0)

(-) Không quy định; KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát – Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01715/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR1
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Vương Đắc Mạnh		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 05/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)
				CTR1	
1	Thủy ngân (Hg)*	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,012	***0,2***
2	Crom (VI) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A*	<0,09	***5***
3	Asen (As) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,015	***2***
4	Cadimi (Cd) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,006	***0,5***
5	Chì (Pb) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,009	***15***
6	Kẽm (Zn) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,009	***250***
7	Niken (Ni) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,009	***70***

Ghi chú:
Vị trí lấy mẫu:
CTR1: Tro xỉ sau đốt của các lò đốt chất thải công nghiệp; Tọa độ: Y 576430.10; X 2340585.90.
Quy chuẩn so sánh:
QCVN 07:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại – nồng độ ngâm chiết.
(*) Đơn vị phối hợp: Viện khoa học môi trường và sức khoẻ cộng đồng - Vimcerts 099.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT – SĐKKD VÀ ĐKT 2300532... – TP. BẮC NINH – T. BẮC NINH

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01716/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR1
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Vương Đắc Mạnh		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 05/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Hàm lượng cơ sở tuyệt đối (ppm)
				CTR1	Htc
1	Thủy ngân (Hg)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<3,54	***4***
2	Crom (VI) *	*ppm*	*US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A*	<3	***100***
3	Asen (As) *	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,98	***40***
4	Cadimi (Cd) *	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,17	***10***
5	Chì (Pb) *	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,11	***300***
6	Kẽm (Zn) *	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	2,00	***5.000***
7	Niken (Ni) *	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,05	***1.400***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

CTR1: Tro xỉ sau đốt của các lò đốt chất thải công nghiệp; Tọa độ: Y 576430.10; X 2340585.90.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 07:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}, ppm) được tính bằng công thức sau:

$$H_{tc} = \frac{H.(1+19.T)}{20}$$

Trong đó:

- H (ppm) là giá trị quy định trong cột «Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, H» của Bảng 1 của Quy chuẩn làm cơ sở tính toán giá trị H_{tc};

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải;T=100%

(*) Đơn vị phối hợp: Viện khoa học môi trường và sức khoẻ cộng đồng - Vimcerts 099.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01717/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR2
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Vương Đắc Mạnh		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 05/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Nồng độ ngâm chiết, C_{tc} (mg/l)
				CTR2	
1	Thủy ngân (Hg)*	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,012	***0,2***
2	Crom (VI) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311+ US EPA Method 7196A*	<0,09	***5***
3	Asen (As) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,015	***2***
4	Cadimi (Cd) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,006	***0,5***
5	Chì (Pb) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,009	***15***
6	Kẽm (Zn) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	0,030	***250***
7	Niken (Ni) *	*mg/l*	*US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7*	<0,009	***70***

Ghi chú:
Vị trí lấy mẫu:
CTR2: Sản phẩm của hệ thống hoá rắn; Tọa độ: Y 576372.45; X 2340579.02.
Quy chuẩn so sánh:
QCVN 07:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại – nồng độ ngâm chiết.
(*) Đơn vị phối hợp: Viện khoa học môi trường và sức khoẻ cộng đồng - Vimcerts 099.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 01718/2024/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR2
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Vương Đắc Mạnh		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 05/11/2024			Ngày hoàn thành phân tích: 22/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Hàm lượng cơ sở tuyệt đối (ppm)
				CTR2	Htc
1	Thủy ngân (Hg)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<3,54	***4***
2	Crom (VI)*	*ppm*	*US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A*	<3	***100***
3	Asen (As)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,98	***40***
4	Cadimi (Cd)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,17	***10***
5	Chì (Pb)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	<1,11	***300***
6	Kẽm (Zn)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	16,51	***5.000***
7	Niken (Ni)*	*ppm*	*TCVN 8963:2011 + US EPA Method 200.7*	2,39	***1.400***

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

CTR2: Sản phẩm của hệ thống hoá rắn; Tọa độ: Y 576372.45; X 2340579.02.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 07:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}, ppm) được tính bằng công thức sau:

$$H_{tc} = \frac{H.(1+19.T)}{20}$$

Trong đó:

- H (ppm) là giá trị quy định trong cột «Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, H» của Bảng 1 của Quy chuẩn làm cơ sở tính toán giá trị H_{tc};

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*

- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải;T= 100%

(*) Đơn vị phối hợp: Viện khoa học môi trường và sức khoẻ cộng đồng - Vimcerts 099.

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Mến	Phạm Văn Huấn	GIÁM ĐỐC Vũ Đăng Như

1. *Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.*
2. *Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.*
3. *Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.*